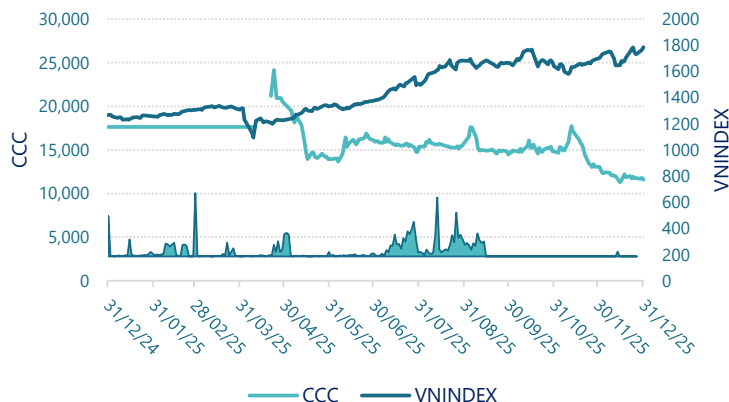




CTCP Xây dựng CDC (HSX: CCC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ) **11,600**

Cao nhất 52 tuần (VNĐ)

Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)

SL cổ phiếu LH 41,054,987

KLGD BQ 20 phiên (CP) 60,500

% sở hữu nước ngoài 0.0%

Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)

Vốn hóa (tỷ VNĐ) 476

P/E 11.0

EPS 1,057

DT thuần

Q4/25

847

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 262 | 44.8%

YoY: ▲ 350 | 70.4%

LN sau thuế

Q4/25

9.67

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 0.11 | -1.2%

YoY: ▲ 0.49 | 5.3%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

2.8%

+/- YoY: ▼ 0.5%

DT thuần

2025

2,711

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 498 | 22.5%

LN sau thuế

2025

43.4

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.20 | 0.5%

ROE

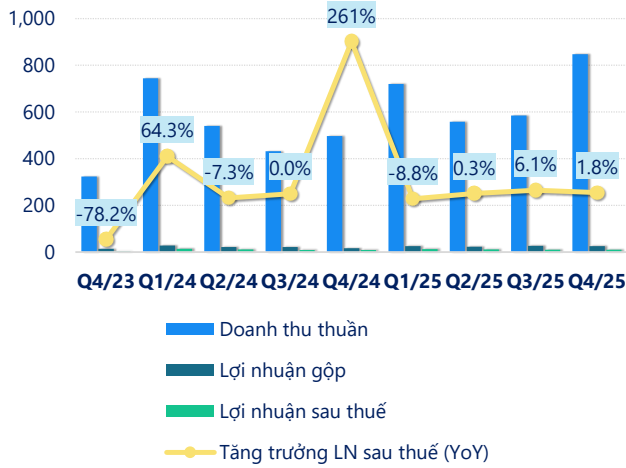
2025

7.4%

+/- YoY: ▼ 0.9%

tỷ VNĐ

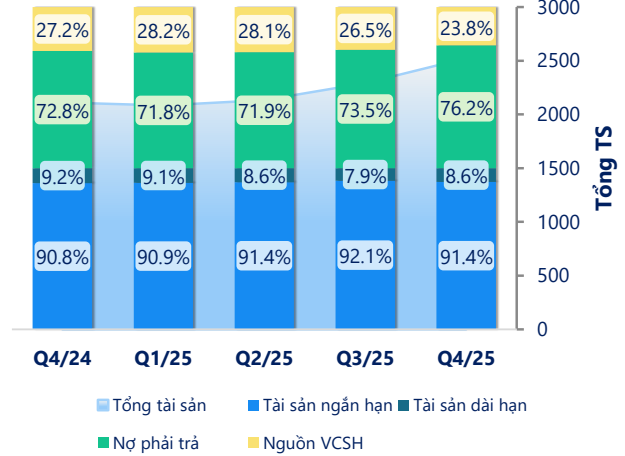
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

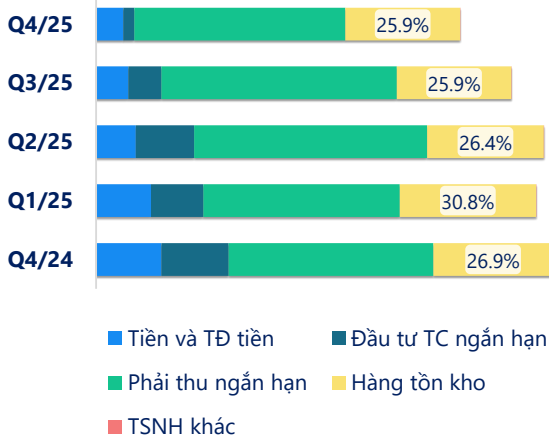
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



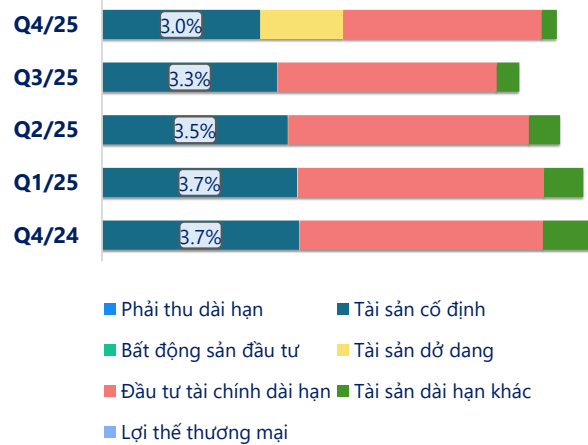
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

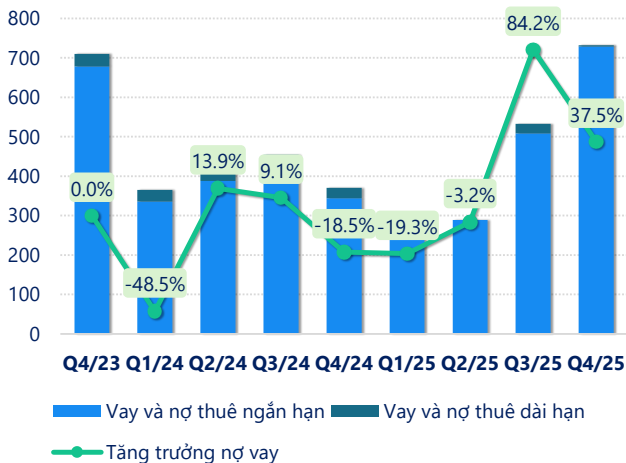
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

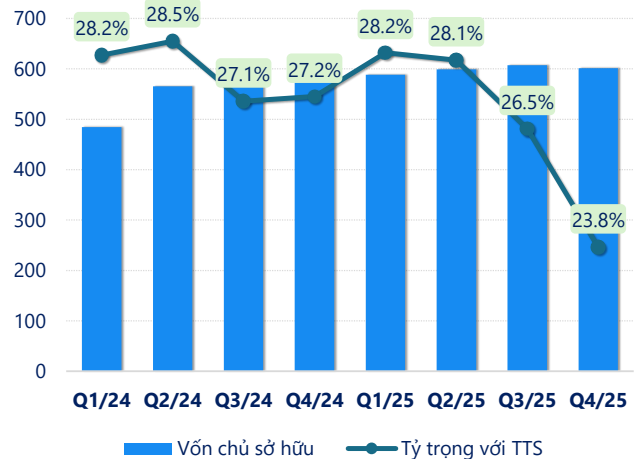
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

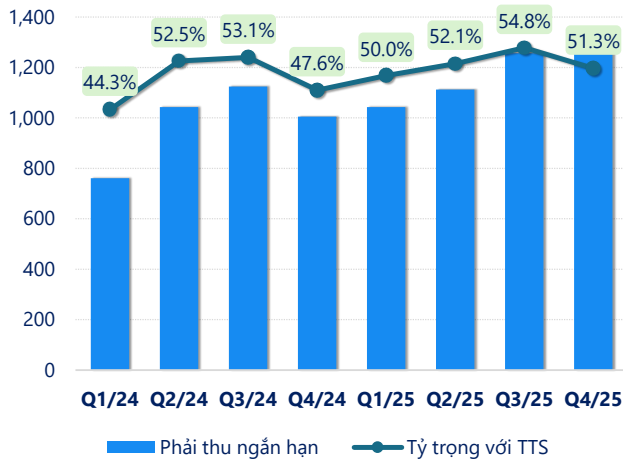
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



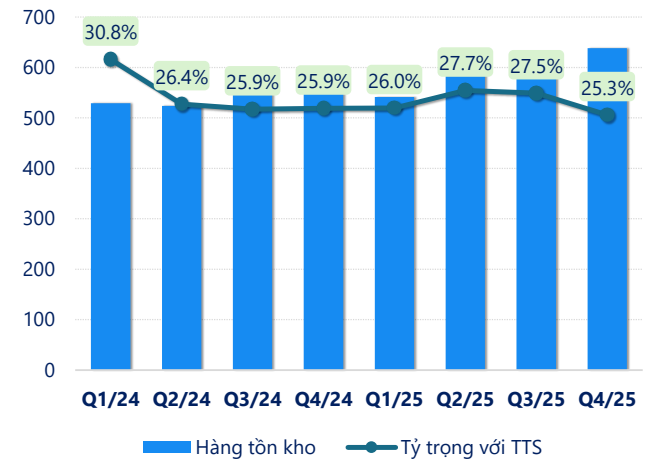
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


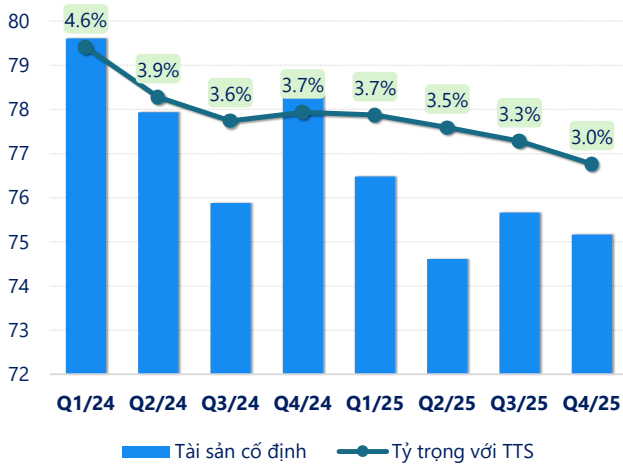
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


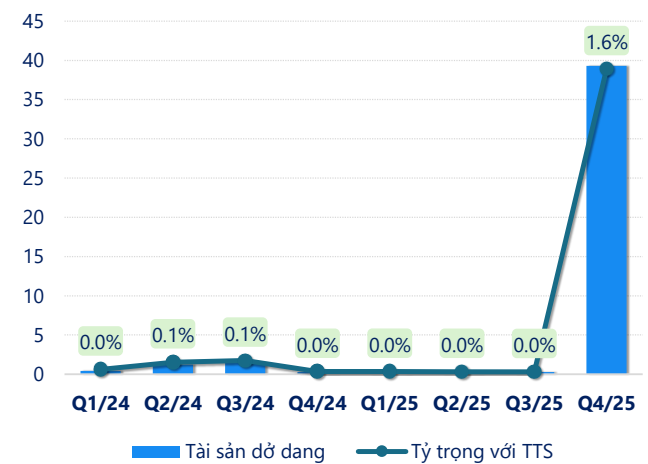
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

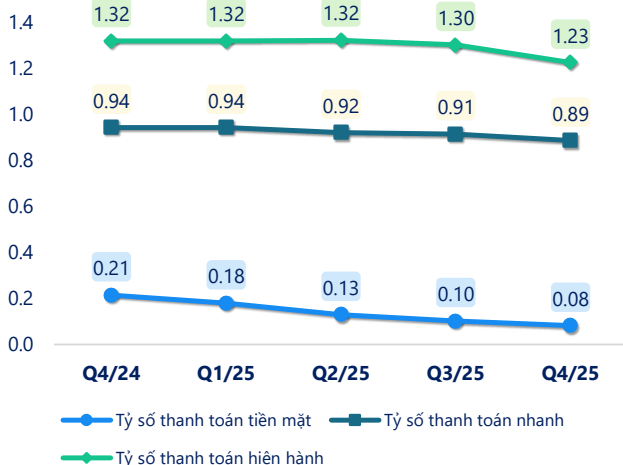
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

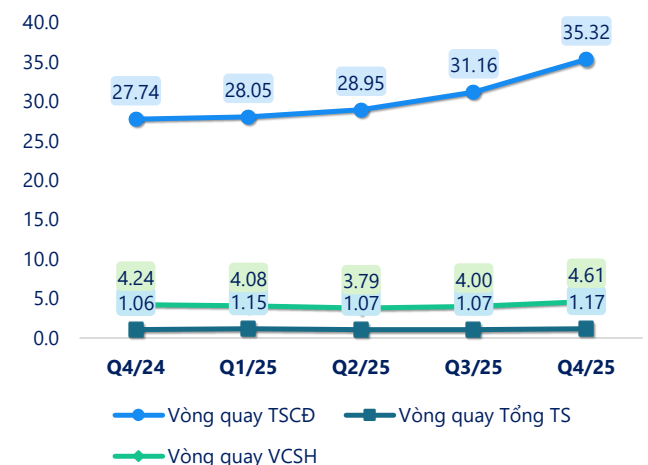
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	2,112	2,084	2,135	2,292	2,524
Tài sản ngắn hạn	1,918	1,895	1,951	2,112	2,308
Tiền và tương đương tiền	312	258	191	166	155
Đầu tư tài chính ngắn hạn	53.0	53.0	55.0	58.0	220
Phải thu ngắn hạn	1,005	1,043	1,112	1,256	1,294
Hàng tồn kho	548	542	592	630	639
Tài sản ngắn hạn khác	0.50	0.35	0.82	2.59	1.01
Tài sản dài hạn	194	189	184	180	216
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	78.3	76.5	74.6	75.7	75.2
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.28	0.28	0.28	0.28	39.3
Đầu tư tài chính dài hạn	96.5	96.5	96.5	94.2	94.2
Tài sản dài hạn khác	18.4	15.4	12.6	9.80	7.24
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	1,537	1,496	1,536	1,685	1,923
Nợ ngắn hạn	1,453	1,436	1,475	1,621	1,883
Vay và nợ thuê ngắn hạn	344	274	289	509	729
Phải trả người bán ngắn hạn	641	609	579	580	553
Nợ dài hạn	83.6	59.8	60.4	63.7	40.1
Vay và nợ thuê dài hạn	26.3	25.1	0	23.6	3.11
Nguồn vốn chủ sở hữu	575	588	599	607	601
Vốn chủ sở hữu	575	588	599	607	601
Vốn điều lệ	403	403	403	403	403
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)